TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - KHÁNH HÒA** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2025/HNGĐ-ST
Ngày 17-9-2025
V/v: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3-KHÁNH HÒA

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Mỹ An
Ông Phan Văn Tùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Khánh Hòa tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Ngọc Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 183/2025/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2025 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa: 21/2025/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bích T - sinh năm 1991

Địa chỉ: Thôn P Â N 1, xã D K, tỉnh Khánh Hòa (trước đây là xã D A, huyện D K, tỉnh Khánh Hòa). Có mặt

- Bị đơn: Ông Nguyễn Trung C, sinh năm 1984

Địa chỉ: Thôn P T 2, xã D T, tỉnh Khánh Hòa (trước đây là xã D P, huyện D K, tỉnh Khánh Hòa). Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 29 tháng 4 năm 2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích T trình bày:

Trong quá trình chung sống giữa vợ chồng thời gian đầu có hạnh phúc nhưng về sau phát sinh mâu thuẫn do ông C không có trách nhiệm với gia đình, hay ghen tuông vô cớ, vợ chồng không hòa hợp về nhiều mặt trong cuộc sống dẫn đến hay cãi vã làm cho không khí gia đình căng thẳng, bất hòa thường xuyên xảy ra làm tổn thương cho cả hai. Nhiều lần bà và ông C đã cố hàn gắn nhưng khoảng cách ngày càng lớn và không có kết quả. Nay tình cảm vợ chồng đã không còn,

mâu thuẫn đã trầm trọng không thể hàn gắn được; vì vậy bà yêu cầu tòa giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Trung C.

Về con chung: Bà và ông C có 01 con chung là Nguyễn Trung K, sinh ngày 02/9/2016. Sau khi ly hôn bà có nguyện vọng trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà và ông C không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà và ông C không có nợ chung.

- Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Trung C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, không đến Tòa án làm việc, không có lời khai, ông C vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Khánh Hòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Bích T đối với ông Nguyễn Trung C. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Trung K, sinh ngày 02/9/2016 cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; ghi nhận việc bà T tự nguyện không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con. Bà T xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không xét. Bà T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa. Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Bích T và ông Nguyễn Trung C tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân D A (nay là xã D K) năm 2015 và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 055 vào ngày 18/8/2015 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Bà Nguyễn Thị Bích T xác định trong thời gian chung sống giữa bà và ông C thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp về nhiều mặt dẫn đến vợ chồng hay cãi vã, ông C không có trách nhiệm với gia đình, hay ghen tuông vô cớ; hiện tại, bà không còn tình cảm với ông C; không thể tiếp tục duy trì mối quan hệ hôn nhân. Quá trình giải quyết vụ án, ông C đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không đến Tòa án để làm việc điều này thể hiện ông C có thái độ bỏ mặc, không quan tâm đến quan hệ vợ chồng, không muốn hàn gắn đoàn tụ. Như vậy, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân

không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn.

[3]. Về con chung: Bà T và ông C có 01 con chung là Nguyễn Trung K, sinh ngày 02/9/2016. Ông C không đến Tòa án làm việc, không có ý kiến về việc nuôi dưỡng con chung; do đó, xét theo yêu cầu của bà T và nguyện vọng của cháu K, cần giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận việc bà T tự nguyện không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Bà T xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không giải quyết. Do bị đơn ông C chưa có lời khai về vấn đề này nên nếu sau này đương sự có yêu cầu sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

[5]. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Bích T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà Nguyễn Thị Bích T được ly hôn với ông Nguyễn Trung C.

2. Về con chung:

Giao con chung Nguyễn Trung K, sinh ngày 02/9/2016 cho bà Nguyễn Thị Bích T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Ghi nhận việc bà T tự nguyện không yêu cầu ông Nguyễn Trung C cấp dưỡng nuôi con.

Ông C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Quá trình nuôi dưỡng con chung, bà T, ông C có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn; thay đổi cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà T xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không giải quyết. Do bị đơn ông C chưa có lời khai về vấn đề này nên nếu sau này đương sự có yêu cầu sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Bích T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí mà bà T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001630 ngày 16/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D K - tỉnh Khánh Hòa (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 3-Khánh Hòa). Bà T đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

6. Quy định: Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND khu vực 3-Khánh Hòa;
- Phòng THADS khu vực 3-Khánh Hòa;
- UBND xã D K (Giấy chứng nhận kết hôn số 055 ngày 18/8/2015);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thị Thanh Hoa